

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DƯ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản,
kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về việc xét, cấp học bổng; thời gian xét; tiêu chuẩn; trách nhiệm, quyền hạn của cá nhân và đơn vị liên quan trong việc cấp học bổng đối với người học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người học, bao gồm: sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh theo học các ngành thuộc danh mục quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

2. Cơ sở giáo dục đại học đào tạo các ngành thuộc khoản 1,2,3 Điều 3 Nghị định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan đến việc thực hiện, quản lý chính sách học bổng này.

4. Văn bản này không áp dụng đối với sinh viên sư phạm các ngành đã được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt quy định tại Nghị định 116/2020/NĐ-

CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

Điều 3. Danh mục ngành được hưởng chính sách

1. Khoa học cơ bản: Toán học (Mã ngành 7460110); Vật lý học (Mã ngành 7440110); Hóa học (Mã ngành 7440111); Sinh học (Mã ngành 7420101); Khoa học máy tính (được xem là một ngành khoa học cơ bản trong lĩnh vực công nghệ) (mã ngành 7480101); Khoa học môi trường (Mã ngành 7440301)

2. Kỹ thuật then chốt:

Phương án 1. Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Điện - Điện tử, Tự động hóa, Cơ khí chính xác, Kỹ thuật hàng không, Vật liệu mới.

Phương án 2. Kỹ thuật cơ khí: Mã ngành: 7510201; Kỹ thuật điện, điện tử: Mã ngành: 7510301; Kỹ thuật công nghiệp: Mã ngành: 7510601; Kỹ thuật xây dựng: Mã ngành: 7580201; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông: Mã ngành: 7580202; Kỹ thuật công nghệ thông tin: Mã ngành: 7480201; Kỹ thuật điện tử - viễn thông: Mã ngành: 7510302; Kỹ thuật cơ điện tử: Mã ngành: 7510202; Kỹ thuật hóa học: Mã ngành: 7510401; Kỹ thuật môi trường: Mã ngành: 7580301; Kỹ thuật phần mềm: Mã ngành: 7480103; Kỹ thuật cơ khí động lực: Mã ngành: 7510203; Kỹ thuật ô tô: Mã ngành: 7510204; Kỹ thuật thực phẩm: Mã ngành: 7540101; Kỹ thuật năng lượng: Mã ngành: 7510604; Kỹ thuật tự động hóa: Mã ngành: 7510305.

3. Công nghệ chiến lược:

Phương án 1. Công nghệ sinh học, Công nghệ Nano, Công nghệ vũ trụ, Công nghệ môi trường, Công nghệ năng lượng tái tạo.

Phương án 2. Công nghệ thông tin: Mã ngành: 7480201; Kỹ thuật phần mềm: Mã ngành: 7480103; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử: Mã ngành: 7510301; Công nghệ kỹ thuật tự động hóa: Mã ngành: 7510305; Công nghệ sinh học: Mã ngành: 7420201; Công nghệ vật liệu: Mã ngành: 7510405; Công nghệ nano: Mã ngành: 7420204; Công nghệ thông tin - An toàn thông tin: Mã ngành: 7480202; Công nghệ môi trường: Mã ngành: 7440301; Công nghệ thực phẩm: Mã ngành: 7540101; Công nghệ điều khiển và tự động hóa: Mã ngành: 7510304; Công nghệ truyền thông đa phương tiện: Mã ngành: 7480203; Công nghệ y sinh: Mã ngành: 7420203; Công nghệ chế tạo máy: Mã ngành: 7510202; Công nghệ thông tin - Khoa học dữ liệu: Mã ngành: 7480206.

4. Danh mục ngành có thể được điều chỉnh theo từng giai đoạn theo quyết định của Chính phủ.

Điều 4. Mức và thời gian xét cấp học bổng.

1. Mức hỗ trợ: Người học được nhà nước cấp học bổng theo mức trần học phí theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ

trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục của năm hiện hành đối với chuyên ngành tương ứng được quy định tại Điều 3 Nghị định này và theo các mức là 100% cho kết quả học tập xếp loại xuất sắc, 70% cho kết quả học tập xếp loại giỏi và 50% cho kết quả học tập xếp loại khá.

2. Thời gian:

a) Thời gian hỗ trợ học bổng được xác định theo số tháng thực tế học tập tại trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học. Trong trường hợp tổ chức giảng dạy theo học chế tín chỉ, cơ sở đào tạo giáo viên có thể quy đổi mức hỗ trợ cho phù hợp với học chế tín chỉ. Tổng kinh phí hỗ trợ của cả khóa học theo học chế tín chỉ không vượt quá mức hỗ trợ quy định cho khóa học theo năm học.

b) Mỗi năm học cơ sở giáo dục tổ chức xét cấp học bổng thành 02 đợt, bao gồm:

- Trước ngày 31/10 hằng năm: Tổ chức xét cấp học bổng kỳ thứ nhất.
- Trước ngày 31/3 hằng năm: Tổ chức xét cấp học bổng kỳ thứ hai.

Chương II

TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH XÉT HỖ TRỢ VÀ CẤP HỌC BỔNG

Điều 5. Tiêu chí

Người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này được xét cấp học bổng, cụ thể như sau:

1. Kỳ xét cấp học bổng thứ nhất. Người học được xét cấp học bổng nếu đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

a) Đối với người học năm thứ nhất:

Đạt giải cấp quốc gia trở lên ở bất kỳ môn học nào tại thời điểm là học sinh học ở cấp trung học phổ thông, có xếp loại hạnh kiểm (hoặc rèn luyện) và học lực (hoặc học tập) từ khá trở lên theo kết quả năm học lớp 12.

Đạt giải các kỳ thi khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp sáng tạo người học theo học ngành STEM.

b) Đối với người học năm thứ hai trở đi:

- Học bổng loại khá: Người học đảm bảo các điều kiện như sau:

+ Người học trúng tuyển theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng;
+ Nếu xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông: Tổng điểm tổ hợp xét tuyển đạt từ 80% trở lên của tổng điểm tối đa;

+ Nếu xét tuyển bằng phương thức khác: điểm xét tuyển quy đổi đạt từ 80% trở lên của thang điểm xét.

- Học bổng loại giỏi:

+ Đạt giải ba trở lên tại cuộc thi khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia;

+ Đạt giải khuyến khích trở lên tại kỳ thi học sinh giỏi quốc tế các môn khoa học tự nhiên hoặc giải khoa học kỹ thuật quốc tế.

- Học bổng loại xuất sắc:

+ Đạt giải nhất trở lên tại cuộc thi khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia;

+ Đạt giải ba trở lên tại kỳ thi học sinh giỏi quốc tế các môn khoa học tự nhiên hoặc giải khoa học kỹ thuật quốc tế.

2. Kỳ xét cấp học bổng thứ hai trở đi:

a) Học bổng loại khá:

- GPA $\geq 2,50$ và rèn luyện ≥ 70 điểm trong học kỳ trước;

- Hoặc có đề tài nghiên cứu, dự án đoạt từ giải ba cấp quốc gia trở lên.

b) Học bổng loại giỏi:

- GPA $\geq 3,20$ và rèn luyện ≥ 75 điểm;

- Hoặc có đề tài nghiên cứu, dự án đoạt từ giải nhì cấp quốc gia trở lên.

c) Học bổng loại xuất sắc:

- GPA $\geq 3,60$ và rèn luyện ≥ 80 điểm;

- Hoặc có đề tài nghiên cứu, dự án đoạt giải nhất cấp quốc gia hoặc có giải quốc tế.

3. Các tiêu chí ưu tiên khác:

a) Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều;

b) Là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương;

c) Có hộ khẩu thường trú tại các khu vực có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Nguyên tắc chung khi tổ chức xét cấp học bổng, bao gồm:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này chỉ được hưởng chế độ học bổng chính sách một lần trong cả quá trình học;

b) Trường hợp người học thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách cùng lúc thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất hoặc học đồng thời nhiều ngành, nhiều cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng chính sách ở một ngành tại một cơ sở giáo dục;

c) Người học là đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này nhưng thuộc đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội,

học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng các chính sách này theo quy định;

d) Người học bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị đình chỉ học tập thì không được hưởng các chính sách quy định tại Điều này kể từ thời điểm quyết định kỷ luật có hiệu lực hoặc trong thời gian bị đình chỉ;

đ) Học bổng được cấp đủ 10 tháng/năm, số năm học được hưởng chính sách không được vượt quá số năm hoặc số học kỳ tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo tương ứng với các ngành học theo quy định. Riêng đối với năm học cuối được hưởng theo số tháng thực học.

e) Đối với các chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ thì học bổng chính sách được cấp theo thời gian đào tạo quy đổi nhưng không vượt quá thời gian đào tạo của ngành, nghề và trình độ đào tạo tương đương đối với chương trình đào tạo theo niên chế.

f) Không áp dụng học bổng này đối với người học học văn bằng hai, đào tạo theo địa chỉ, hình thức đào tạo từ xa, liên kết đào tạo và vừa làm vừa học.

Điều 6. Quy trình

1. Thông báo xét học bổng

Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm thông báo công khai kế hoạch xét học bổng (bao gồm đối tượng, tiêu chí, thời gian, hồ sơ...) trên cổng thông tin điện tử, bảng tin nhà trường và gửi thông báo đến từng khoa/viện chuyên môn/trường trực thuộc trước mỗi kỳ xét ít nhất 15 ngày làm việc.

2. Nộp và tiếp nhận hồ sơ

Người học nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng qua hệ thống trực tuyến theo quy định. Đơn vị tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, trả lời bằng văn bản nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

3. Thành lập Hội đồng xét duyệt

Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập Hội đồng xét học bổng bao gồm: đại diện Ban Giám hiệu, phòng đào tạo, phòng công tác sinh viên, đại diện khoa chuyên môn và tổ chức đoàn thể, bảo đảm nguyên tắc Hội đồng là số lẻ.

Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá hồ sơ trên cơ sở tiêu chí quy định tại Điều 5, lập danh sách đề xuất cấp học bổng.

4. Công bố kết quả sơ bộ và tiếp nhận phản hồi

Danh sách người học dự kiến được cấp học bổng được công bố công khai trong thời gian tối thiểu 7 ngày để tiếp nhận khiếu nại, phản ánh.

Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm rà soát, xác minh và trả lời phản hồi (nếu có) bằng văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phê duyệt và chi trả

Hiệu trưởng (hoặc người được ủy quyền) phê duyệt danh sách chính thức.

Kinh phí học bổng và hỗ trợ chi phí sinh hoạt được chuyển khoản trực tiếp cho người học theo tài khoản cá nhân đăng ký, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

5. Lưu trữ và báo cáo

Hồ sơ và biên bản xét duyệt được lưu trữ tối thiểu 5 năm để phục vụ thanh tra, kiểm tra. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm báo cáo định kỳ 2 lần/năm về kết quả thực hiện chính sách học bổng về Bộ GDĐT và cơ quan tài chính cấp trên.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị xét cấp học bổng.

1. Hồ sơ đề nghị xét, cấp học bổng: 01 (một) bộ hồ sơ nộp trực tuyến do cơ sở giáo dục đại học nơi người học theo học hướng dẫn.

2. Hồ sơ xét cấp học bổng kỳ thứ nhất

a) Đơn xin xét, cấp học bổng kỳ thứ nhất (Mẫu 01);

b) Công văn và danh sách sinh viên đề nghị xét, cấp học bổng kỳ thứ nhất của cơ sở giáo dục đại học (Mẫu 02);

c) Hồ sơ kết quả học tập của sinh viên

- Đối với sinh viên năm thứ nhất: Bản sao Học bạ năm học lớp 12; Bản sao Giấy chứng nhận đạt giải quốc gia trở lên ở cấp trung học phổ thông.

- Đối với sinh viên các năm tiếp theo: Bảng điểm năm học trước năm xét, cấp học bổng và xếp loại rèn luyện có xác nhận của đơn vị đào tạo.

d) Các thành tích khác (nếu có).

3. Hồ sơ xét, cấp học bổng kỳ thứ hai

a) Đơn xin xét, cấp học bổng kỳ thứ hai (Mẫu 03);

b) Công văn và danh sách sinh viên đề nghị xét, cấp học bổng của cơ sở giáo dục đại học (Mẫu 04);

c) Hồ sơ kết quả học tập gồm: Bảng điểm học kỳ 1 và xếp loại rèn luyện có xác nhận của đơn vị đào tạo;

d) Các thành tích khác (nếu có).

Điều 8. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện sinh viên đã được cấp học bổng không đáp ứng yêu cầu và có vi phạm một trong các quy định tại Điều 4 của Quy chế này thì tùy theo mức độ sẽ bị thu hồi học bổng và xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học có sinh viên bị xử lý vi phạm tại khoản 1 Điều này sẽ không được xem xét, gửi hồ sơ đề nghị xét, cấp học bổng trong năm tiếp theo.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 9. Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ học bổng quy định tại Nghị định này được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; Các nguồn tài trợ đóng góp xã hội và các nguồn hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

Điều 10. Phương thức cấp kinh phí

1. Hằng năm, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào danh sách người học đề nghị xét, cấp học bổng từng kỳ lập dự toán gửi cơ quan cấp trên để được tổng hợp đề xuất cấp NSNN.

2. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 11. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện và mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

2. Hằng năm, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính kết quả thực hiện việc cấp học bổng cho người học vào thời điểm kết thúc năm học.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn về xét cấp học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

b) Xây dựng tiêu chí, quy trình xét cấp học bổng đảm bảo minh bạch, công bằng và hiệu quả.

c) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách học bổng trên phạm vi toàn quốc và báo cáo kết quả lên Chính phủ.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở đào tạo trong việc triển khai xét cấp học bổng đúng quy định.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định các ngành kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược cần ưu tiên hỗ trợ học bổng.

b) Tham gia đánh giá, đề xuất danh mục các lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên trong xét cấp học bổng.

c) Hỗ trợ việc kết nối các chương trình học bổng với các đề tài nghiên cứu, dự án công nghệ chiến lược.

3. Bộ Tài chính

a) Tham mưu, phối hợp xây dựng cơ chế tài chính đảm bảo nguồn ngân sách cho chính sách cấp học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

b) Giám sát việc sử dụng kinh phí cấp học bổng đúng mục đích, hiệu quả và minh bạch.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tổ chức triển khai xét cấp học bổng theo quy định đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với đặc thù và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

b) Phối hợp với các sở, ban ngành, cơ sở đào tạo để tổng hợp, thẩm định hồ sơ người học đủ điều kiện nhận học bổng.

c) Công khai danh sách người nhận học bổng trên địa bàn tỉnh để đảm bảo minh bạch, tạo điều kiện giám sát xã hội.

d) Báo cáo kết quả thực hiện xét cấp học bổng cho Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

đ) Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến chính sách học bổng đến các đối tượng người học trong tỉnh.

5. Các sở, ban ngành liên quan

a) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác xét duyệt, quản lý và giám sát thực hiện chính sách học bổng tại địa phương.

b) Tham gia tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, phát triển năng lực cho người học nhận học bổng.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Tổ chức tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ học bổng từ người học theo mẫu quy định, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn.

2. Thẩm định, đề xuất, phê duyệt danh sách người học đủ điều kiện nhận học bổng, đảm bảo công khai, minh bạch, bao gồm:

a) Thành lập hội đồng xét duyệt học bổng gồm các thành viên có chuyên môn, công tâm và khách quan.

b) Thực hiện xét duyệt hồ sơ dựa trên các tiêu chí đã được quy định (thành tích học tập, nghiên cứu, hoàn cảnh kinh tế, cam kết gắn bó ngành học...).

c) Đề xuất danh sách người học đủ điều kiện nhận học bổng gửi về cơ quan chủ quản để cấp học bổng theo đúng quy trình.

3. Quản lý, giám sát việc sử dụng học bổng và thực hiện cam kết của người học. Theo dõi, đánh giá hiệu quả của chính sách học bổng.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ về kết quả xét cấp học bổng và việc sử dụng học bổng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ ngành liên quan hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ quản để được cấp học bổng, đảm bảo minh bạch, hiệu quả trong việc xét cấp và sử dụng học bổng.

6. Xử lý các kiến nghị, phản ánh của người học liên quan đến việc xét cấp học bổng một cách công bằng và kịp thời.

Điều 14. Trách nhiệm của người học

1. Đăng ký học bổng đúng thời hạn và đầy đủ hồ sơ

- Chủ động tìm hiểu, nắm rõ thông tin về các loại học bổng, tiêu chuẩn và quy trình xét cấp.

- Nộp hồ sơ đăng ký học bổng đúng thời hạn, đảm bảo đầy đủ, chính xác các giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu.

2. Cam kết và thực hiện các điều kiện, nghĩa vụ kèm theo học bổng

- Cam kết trung thực trong việc khai báo thông tin, không gian lận, khai man hoặc sử dụng giấy tờ giả mạo.

- Thực hiện nghiêm túc các cam kết liên quan đến học bổng, như giữ vững thành tích học tập, tham gia nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực được ưu tiên sau khi tốt nghiệp (nếu có).

3. Nỗ lực học tập và tham gia các hoạt động nghiên cứu, phát triển năng lực

- Duy trì thành tích học tập tốt, không vi phạm quy chế đào tạo, giữ vững tiêu chuẩn học bổng trong suốt quá trình học.

- Tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thực tập, dự án phát triển công nghệ nếu có yêu cầu hoặc cơ hội.

4. Chịu trách nhiệm báo cáo và phối hợp với cơ sở giáo dục trong quá trình nhận học bổng

- Kịp thời báo cáo các thay đổi về hoàn cảnh cá nhân hoặc học tập có thể ảnh hưởng đến việc duy trì học bổng.

- Phối hợp với nhà trường và cơ quan cấp học bổng trong việc cung cấp thông tin, tham gia các hoạt động kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu.

5. Trả lại học bổng hoặc bồi hoàn khi không đủ điều kiện

- Trong trường hợp vi phạm các quy định về học bổng hoặc không thực hiện đúng cam kết, người học có trách nhiệm hoàn trả học bổng theo quy định.

- Chấp hành các biện pháp xử lý theo quy định của cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý học bổng.

6. Tuân thủ các quy định, quy chế liên quan đến học bổng

Thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của nhà trường và cơ quan quản lý về học bổng nhằm bảo đảm tính minh bạch và công bằng trong xét cấp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Những người đang theo học các ngành thuộc danh mục ngành quy định tại Điều 3 trước khi Nghị định này có hiệu lực được xem xét áp dụng chính sách học bổng từ năm học tiếp theo.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KHTC

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG